

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 30- 3- 2023  
“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Nhất.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Y Dhiều Hmok

2. Ông Nguyễn Phi Đính

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thiều Sỹ Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:** Ông Từ Quốc Quyền; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 219/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trương Thị Hàm Y, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 23 Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Trọng Th, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 17 Phan Phù T, tổ dân phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

**- Về quan hệ hôn nhân:** Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu thương nhau chị Y và anh Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, quan điểm

sống bất đồng, anh Th nghiện ngập ma túy không chăm lo cho đời sống kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc. Chị Y và anh Th đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Y yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh Th.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị Y và anh Th có 01 người con chung là cháu: Nguyễn Ngọc Diễm Q, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2018 hiện cháu đang ở với chị Y nên chị Y có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng*: Chị Y không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Th là bị đơn lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không tiến hành hòa giải được đối với các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 về thẩm quyền của Tòa án; Điều 191, Điều 195 và Điều 196 về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và Thông báo thụ lý vụ án, Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự, của nguyên đơn. Bị đơn vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự, bị đơn (Không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án).

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Hàm Y được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Th; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Diễm Q, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2018 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành. Anh Th có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về

cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ đối với các đương sự được.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Y và anh Th chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Y khai nhận quá trình chung sống đến năm năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, quan điểm sống bất đồng, anh Th nghiện ngập ma túy không chăm lo cho đời sống kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc. Chị Y và anh Th đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài là có căn cứ để chấp nhận. Mặc dù, không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 10 tháng 11 năm 2022 của chính quyền địa phương thể hiện: Chị Y với anh Th đăng ký kết hôn vào năm 2017. Quá trình chung sống anh Th và chị Y có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể như thế nào thì không biết. Anh Th và chị Y đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay và chị Y sống với gia đình bố mẹ chị Y và anh Th sống với gia đình bố mẹ anh Th.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định do bất đồng quan điểm sống, anh Th đã không chăm lo đến gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, ngày một trầm trọng và thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị Y và anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Y và anh Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Diễm Q, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2018, hiện tại chị Y trực tiếp nuôi dưỡng và chị Y có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không yêu cầu nên anh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, Điều 55, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Hàm Y.

Chị Trương Thị Hàm Y được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Th.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Diễm Q, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2018 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung nên các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trương Thị Hàm Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn

đồng) tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo biên lai số: 0018209 ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã E, huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Nhất**

